TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 275/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05/8/2024
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Ông Nguyễn Minh Tân

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Định

Bà Nguyễn Đức Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 377/2023/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".* Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 258/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 198/2024/QĐ-ST ngày 05/7/2024 giữa:

1. Nguyên đơn: Anh **Phạm Văn M**, sinh năm 1988.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương. Hiện đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản. Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

Người được anh M ủy quyền giao nhận văn bản tố tụng: Ông Phạm Văn V, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Chị **F, H - K**, sinh ngày 06/3/1983.

Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan); Hộ chiếu số 214921212.

Địa chỉ cư trú: Tầng E, số H ngõ E phố Đ, khu T, thành phố Đ, Đài Loan (Trung Quốc). Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị F, H – Kang về việc giao nhận văn bản tố tụng: Anh Nguyễn Tuấn A-SN 1997; Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Phạm Văn H1**, sinh năm 1965. Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai - Nguyên đơn anh Phạm Văn M trình bày: Anh và chị F, H - Kang tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND tỉnh Q ngày 26/9/2014. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được hơn một năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Khoảng năm 2016 chị F, H - K đã về Đài Loan-Trung Quốc sinh sống. Năm 2020 chị F, H - Kang có gửi đơn ly hôn về Việt Nam, tuy nhiên anh không đồng ý, vợ chồng chấm dứt liên lạc với nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị F, H - Kang theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị F, H - Kang có một con chung là Phạm Gia B, sinh ngày 17/5/2015 hiện đang ở với anh. Ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi con, tự nguyện không yêu cầu chị F, H - Kang phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung : Anh và chị F, H – Kang không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do điều kiện anh đi làm ăn xa nên ủy quyền cho anh Phạm Văn V, giao nhận các văn bản tố tụng tại Tòa án, anh V đồng ý nhận ủy quyền. Sau khi nhận được các văn bản tố tụng, anh V đã thông báo cho M biết, anh M vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn, nuôi con như đã trình bày.

Tại biên bản ghi lời khai của chị F, H – Kang thể hiện: Về quan hệ hôn nhân nhất trí như anh M đã trình bày, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn. Về con chung, chị đồng ý để anh M tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Phạm Văn H1 trình bày: Ông là bố đẻ của anh M, hiện nay ông đang chăm sóc cháu Phạm Gia B. Trong thời gian anh M ở nước ngoài, ông đồng ý nhận ủy quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B. Ông H1 đề nghị được Tòa án giải quyết vắng mặt.

Cháu Phạm Gia B là con chung của anh M và chị F, H - Kang có nguyện vọng ở với bố khi bố mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt, đồng thời giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và quan điểm đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật. Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82,

83 Luật HNGĐ, Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử cho anh Phạm Văn M ly hôn chị F, H - K. Về con chung: Giao con chung là Phạm Gia B, sinh ngày 17/5/2015 cho anh Phạm Văn M chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh M không yêu cầu chị F, H - Kang cấp dưỡng cho con. Trong thời gian anh M không ở Việt Nam, tạm giao cháu B cho ông Phạm Văn H1 chăm sóc.Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết. Về án phí, lệ phí: Anh Phạm Văn M phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án anh M cung cấp địa chỉ của chị F, H - Kang tại: Tầng E, số H ngõ E phố Đ, khu T, thành phố Đ, Đài Loan. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã ủy thác tư pháp cho Bộ tư pháp để thực hiện tống đạt theo đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã nhận được công văn số 952/BTP- PLQT ngày 05/4/2024 của Bộ Tư Pháp về việc kết quả ủy thác tư pháp, theo đó Bộ Tư pháp Lãnh thổ Đài loan đã thực hiện ủy thác tư pháp vào ngày 02/02/2024 bằng phương thức gửi hồ sơ ủy thác tư pháp tại đồn Công an. Đồng thời Tòa án đã tiến hành niêm yết văn bản tại Văn phòng K tại Đ. Tuy nhiên gần đến ngày xét xử thì chị F, H – K1 đã về Việt Nam trình bày quan điểm giải quyết vụ án. Do anh M ủy quyền cho ông Phạm Văn H1 chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B nên Tòa án xác định ông H1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân*:* Anh Phạm Văn M và chị F, H - Kang tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Q ngày 26/9/2014 do đó là hôn nhân hợp pháp. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được hơn 1 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Khoảng năm 2016 chị F, H - K về Đài Loan-Trung Quốc, anh M ở lại Việt Nam, vợ chồng ít liên lạc. Năm 2020 chị F, H - Kang có đơn ly hôn gửi về Việt Nam, tuy nhiên anh M không đồng ý, do đó hai bên chưa được giải quyết ly hôn. Nay anh M xác định tình cảm vợ chồng không còn, Tòa án đã thực hiện ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật, tại thời điểm chuẩn bị xét xử chị F, H – Kang về Việt Nam và trình bày ý kiến xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn. HĐXX xét thấy anh M và chị F, H - Kang có thời gian dài sống ly thân, không còn liên lạc, không quan tâm tới nhau. Như vậy, mâu thuẫn giữa anh M và chị F, H - Kang đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh M. Xử cho anh M ly hôn với chị F, H - Kang là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh Phạm Văn M và chị F, H - Kang có một con chung là Phạm Gia B, sinh ngày 17/5/2015 hiện đang ở với gia đình anh M. Xét thấy, từ nhỏ cháu B ở Việt Nam và được anh M và gia đình chăm sóc chu đáo. Trong thời gian anh M không ở Việt Nam cháu được ông nội là Phạm Văn H1 chăm sóc, được học tập và phát triển tốt. Hiện nay chị F, H - Kang đang ở nước ngoài và cũng có quan điểm đồng ý để anh M nuôi con. Do đó, để ổn định cuộc sống cho con chưa thành niên cần tiếp tục giao cháu B cho anh M chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh M không yêu cầu chị F, H - Kang cấp dưỡng cho con . Trong thời gian anh M không ở Việt Nam, tạm giao cháu B cho ông Phạm Văn H1 chăm sóc, nuôi dưỡng. Như vậy là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3].Về án phí, lệ phí ủy thác: Anh M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, lệ phí ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; Khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh **Phạm Văn M** được ly hôn chị **F, H - K.**

2. Về con chung: Giao cho anh Phạm Văn M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Gia B, sinh ngày 17/5/2015 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của anh Phạm Văn M không yêu cầu chị F, H - Kang cấp dưỡng cho con. Trong thời gian anh M không ở Việt Nam, tạm giao cháu B cho ông Phạm Văn H1 chăm sóc, nuôi dưỡng.

Không ai được cản trở chị F, H - Kang thực hiện quyền, nghĩa vụ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Anh Phạm Văn M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0000485 ngày 05 tháng 10 năm 2023 tại chi Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

Về lệ phí ủy thác tư pháp: Anh Phạm Văn M phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) lệ phí ủy thác tư pháp, được đối trừ số tiền tạm ứng lệ phí 200.000đ đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0001219 ngày 17 tháng 10 năm 2023.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Phạm Văn H1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Anh Phạm Văn M và chị F, H - Kang được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Tân

Nơi nhận:
- *VKS tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND tỉnh Quảng Ninh (ghi sổ hộ tịch)*
- *UBND xã Nghĩa An, huyện Ninh Giang;*
- *Lưu hồ sơ*